

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/04/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+TGT H4 +HSD+ HST	7:25	17+2+3+0	0+0+0+0		14+2+3+2	0+0+0+0	chuyen 1 AMD-HST
2		TGTH5+P8+P7	7:25	2+5+15	0+0+0		1+4+17	0+0+0	
3		P4+TD1+P6	7:25	18+0+1	0+0+0		18+0+1	0+0+0	chuyen 1 td1-p6
4		CU+P1+P11	9:25	5+16+1	0+0+0		1+16+1	0+0+0	
5		AMD+P7+P3	9:25	10+1+11	0+0+0		0+2+20	0+0+0	chuyen 1 p7-p3
6		P1+P 3 +P5	9:25	7+2+11	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 p1-p5

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người P4 về đi P5



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: AMD - TGTH4 - HSD	CREW: CHIEN - MTHAO - NNam	ETA: 09:30
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CAO KỶ LUÂN	AMD	48-50	3	17		63	TLJOC	Vietnamese
2	ĐINH TRỌNG KIẾN	AMD	52-53	2	12		62	TLJOC	Vietnamese
3	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	28	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	46	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ BA THANH	AMD	54	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	57-59	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	55-56	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	60-61	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH HUNG	AMD	40-41	2	17	90	68	KH-THAC	Vietnamese
10	TÀNG VĂN BA	AMD	45	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	47	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN BA	AMD	43-44	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SOAI	AMD	42	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ VĂN BÁC	AMD	51	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TAM	TGTH4	52-53	2	12		47	HLJOC	Vietnamese
16	PHAN MINH THANH	TGTH4	55-56	2	12		62	HLJOC	Vietnamese
17	NGUYỄN THIÊN	TGTH4	54	1	6		65	HLJOC	Vietnamese
18	NGO SY DUC	TGTH4	57-58	2	17		80	HLJOC	Vietnamese
19	LÊ THANH DANH	TGTH4	700,88	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	HSD	04	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHÍ CUÔNG	HSD	02-03	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HSD	05	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	23	149	952	90	14		
2	TGTH4	5	9	59	322	0	2		
3	HSD	3	4	28	192	0	3		
TOTAL		22	36	236	1.466	90	19		
WEIGHT KG				236	1.466	90			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2022	TO: TGTH5 - P8 - P7	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.Anh - Q.Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	TGTH5	51	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TGTH5	49-50	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIỀN VŨ	P8	69	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUNG HA TAI	P8	73-74	2	7		103	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	71	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC TIỀN	P8	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ CHÈ LINH	P8	72	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG OANH	P7	38	1	8	90	85	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN TIỀN HIỆP	P7	37	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI CÔNG LAN	P7	47	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC SƠN	P7	46	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					81	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TRỌNG NGHĨA	P7	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LAM ĐĂNG GIANG	P7	48	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÌNH VĂN THANH	P7	45	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN HỒNG GIANG	P7	39-40	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO TUÂN CHU	P7	43	1	4		67	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC CUÔNG	P7	42	1	3		68	PSV	Vietnamese
19	TRẦN ĐÌNH LIÊM	P7	44	1	7		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	2	3	13	140	0	1		
2	P8	5	6	28	383	0	4		
3	P7	12	12	61	873	90	17		
TOTAL		19	21	102	1.396	90	22		
WEIGHT KG				102	1.396	90			

GRAND TOAL: 1.588 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P4 - TD1 - P6	CREW: ĐỨC - VTHU - HĐức -	ETA: 09:20
VANG-1		HTNam	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DOÀN BÌNH	P4	24	1	10	33	65	YTE	Vietnamese
2	VLASOV A. M.	P4					92	KH-THAC	Russian
3	BUI THẾ DIỄN	P4	28	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	P4	34	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO MINH TUÂN	P4	31	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	35	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HẬU	P4	29-30	2	9		80	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TAM THUY	P4	38-39	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÂM VĂN PHÚC	P4	40	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	46	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HAI	P4	36-37	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM XUÂN HẢI	P4	44-45	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	41-42	2	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHẮC LÂM	P4	43	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG THẾ VINH	P4	32-33	2	18		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NG. HỮU THANH	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUY	P6	77	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	P6	92	1	6	70	83	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	16	20	134	1.144	33	18		CHUYEN 01 PAX TU TDI SANG P6
2	TD1	0	0	0	0	0	1	1	
3	P6	2	2	9	146	70	1		
TOTAL		18	22	143	1.290	103	20		
WEIGHT KG				143	1.290	103			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2022	TO: CLI - P1 - P11	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - NNam	ETA: 11:35
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI QUỐC HUNG	CLI	43-44	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	41	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN DÂN	CLI	45-46	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUNG DƯƠNG	CLI	40	1	6	50	58	ANTOAN	Vietnamese
5	PHẠM PHU BÌNH	CLI	42	1	5		67	PSV	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TUNG	P1	78	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	80	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VĂN THẮNG	P1	85	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HAI	P1	79	1	4	40	65	KH-THAC	Vietnamese
10	VỊ KHÁC THANH	P1	81-82	2	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI HUY NGHIỆP	P1	90	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	94	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯU VĂN TUẤN	P1	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN TỰ	P1	88	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUANG TIẾN	P1	77	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO ĐĂNG PHONG	P1	86-87	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN THƯỢNG	P1	91	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ ANH	P1	83-84	2	16		81	XAYLAP	Vietnamese
19	NGO DINH NHAT MINH	P1	92-93	2	17		82	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẠO THIÊN THUẬT	P11	31	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	5	7	40	327	50	1		
2	P1	14	18	100	996	40	16		
3	P11	1	1	6	62	0	1		
TOTAL		20	26	146	1.385	90	18		
WEIGHT KG				146	1.385	90			

GRAND TOAL: 1.621 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2022	TO: AMD - P7 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.Anh - Q.Trường	ETA: 11:25
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN TUÂN	AMD	71-72	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH THAI	AMD	69-70	2	12		78	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH ĐẠT	AMD	78-79	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN BA	AMD	68	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
5	TÔNG VĂN ĐỨC	AMD	84-85	2	15	30	65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM MINH VŨ	AMD	76-77	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
7	LÀ TUÂN LINH	AMD	82-83	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN QUANG	AMD	73-75	3	18		80	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	80-81	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN CAO TĂNG	AMD	37	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	ĐỖ KHÁC ĐÀ	P7	06	1	6		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN PHI DÂN	P3	12-14	3	17		62	YTE	Vietnamese
13	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P3	17	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ KHAI ĐẠT	P3	27-28	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CHI BAO	P3	23	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	CHAU ĐÌNH TỰ	P3	15-16	2	17	30	75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG THANH	P3	29	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VŨ HÙNG	P3	20	1	7		72	CODIEN	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN THANH	P3	24-26	3	17		90	CODIEN	Vietnamese
20	DANG SU	P3	18-19	2	17		80	CODIEN	Vietnamese
21	CHU TUÂN ANH	P3	21-22	2	17		60	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	19	134	717	30	0		CHUYEN 1 PAX P7-P3
2	P7	1	1	6	65	0	1		
3	P3	10	18	124	705	30	21		
TOTAL		21	38	264	1.487	60	22		
WEIGHT KG				264	1.487	60			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: P1 - TD5 - P5	CREW: ĐỨC - VTHU - HĐức -	ETA: 11:30
CAM-2		HTNam	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO MINH CUONG	P1	21-22	2	12	45	82	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TOÀN	P1	24	1	20		73	HA VIỆT	Vietnamese
3	BUI HUU TUAN	P1	23	1	10		69	HA VIỆT	Vietnamese
4	TRẦN VIỆT TUÂN	P1	25	1	10		61	HA VIỆT	Vietnamese
5	TRẦN MINH TAM	P1	16	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC THỊNH	P1	19-20	2	14		57	XAYLAP	Vietnamese
7	TELESHENKO 115-1-18	TD5	96	1	18		115	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN DUY KHIÊM	P5	54	1	8	20	71	DIEU HAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	50	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO ĐÌNH HUY	P5	47	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TUÂN MINH	P5	45	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	48	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN ĐÌNH PHÁC	P5	44	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN CAO MẠNH	P5	46	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	51-53	3	20		68	PSV	Vietnamese
16	PHAN HUY CUONG	P5	56-57	2	12		69	BA SON	Vietnamese
17	NGUYỄN THAI BÌNH	P5	60-61	2	14		50	BA SON	Vietnamese
18	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	P5	55	1	7		51	BA SON	Vietnamese
19	DƯƠNG ĐẶC CHÍ	P5	58-59	2	10		56	BA SON	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HAI	P5	64-66	3	15		57	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	6	8	75	412	45	0	11	CHUYỂN 1 PAX P1 SANG P5
2	TD5	1	1	18	115	0	0		
3	P5	13	20	118	868	20	22		
TOTAL		20	29	211	1.395	65	22		
WEIGHT KG				211	1.395	65			

GRAND TOAL: 1.671 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN